

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2025

V/v: Ly hôn giữa

chị Tr, anh Tú A.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HUNG YÊN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Thanh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 02/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 07/TB-TA ngày 25/7/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

* Bị đơn: Anh Nguyễn Tú A, sinh năm 1994

Đều cư trú: SN G, đường T, tổ E, phường T, tỉnh Hưng Yên (trước đây là: SN G, đường T, tổ E, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình).

(Chị T có đơn xét xử vắng mặt; anh Tú A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tú A kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2017 tại UBND phường T, tỉnh Hưng Yên (trước đây là UBND phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình), sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác biệt về quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng không còn; đã nhiều lần khắc phục mâu thuẫn nhưng không giải quyết được dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Tú A.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thuận K, sinh ngày 11/01/2018; Nguyễn Đăng N, sinh ngày 13/10/2020; Nguyễn Tuấn K1, sinh

ngày 29/02/2024; ly hôn chị nhận nuôi con Nguyễn Tuấn K1; anh Nguyễn Tú A nuôi 02 con Nguyễn Thuận K, Nguyễn Đăng N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2025 và trong biên bản hòa giải, anh Nguyễn Tú A trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2017 tại UBND phường T, tỉnh Hưng Yên (trước đây là UBND phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình), sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống có sự khác nhau; vợ chồng cũng đã bàn bạc tìm cách tháo gỡ nhưng đều không có kết quả; vợ chồng tuy ở chung nhà nhưng không còn sinh hoạt vợ chồng với nhau từ hơn 01 năm nay. Nay chị T có đơn ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn; đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; trường hợp chị T kiên quyết ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thuận K, sinh ngày 11/01/2018; Nguyễn Đăng N, sinh ngày 13/10/2020; Nguyễn Tuấn K1, sinh ngày 29/02/2024, nếu phải ly hôn anh xin nhận nuôi con Nguyễn Thuận K, sinh ngày 11/01/2018 và Nguyễn Đăng N, sinh ngày 13/10/2020; chị T nuôi con Nguyễn Tuấn K1, sinh ngày 29/02/2024; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Biên bản xác minh với ông Lê Quang T1-Tổ trưởng tổ E, phường T, tỉnh Hưng Yên thể hiện: Anh Nguyễn Tú A và chị Nguyễn Thị T đều đăng ký thường trú tại số nhà G, đường T, tổ E, phường T, tỉnh Hưng Yên; quá trình chung sống vợ chồng anh Tú A, chị T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì ông không rõ; vợ chồng anh Tú A và chị T đã sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay.*

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tú A; về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Tuấn K1, sinh ngày 29/02/2024 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao 02 con Nguyễn Thuận K, sinh ngày 11/01/2018; Nguyễn Đăng N, sinh ngày 13/10/2020 cho anh

Nguyễn Tú A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; hai bên có quyền đi lại chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Tú A. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Anh Nguyễn Tú A cư trú tại phường T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Tú A vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T, anh Tú A là đúng với Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Chị T và anh Tú A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2017 tại UBND phường T, tỉnh Hưng Yên (trước đây là phường L, thành phố T) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống có sự khác nhau; vợ chồng cũng đã bàn bạc tìm cách tháo gỡ nhưng đều không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; anh Tú A đề nghị Tòa án hòa giải để đoàn tụ nhưng sau đó không đến Tòa án để làm việc và có quan điểm nếu chị T kiên quyết ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của chị T. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị T, anh Tú A mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh Tú A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung:* Chị T, anh Tú A có 03 con chung là cháu Nguyễn Thuận K, sinh ngày 11/01/2018; Nguyễn Đăng N, sinh ngày 13/10/2020; Nguyễn Tuấn K1, sinh ngày 29/02/2024; chị T có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Tuấn K1; anh Tú A có nguyện vọng nuôi 02 con Nguyễn Thuận K và Nguyễn Đăng N; xét yêu cầu xin nuôi con của chị T và anh Tú A thấy rằng: Con Nguyễn Tuấn K1 dưới 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc của mẹ; hai con Nguyễn Thuận K và Nguyễn Đăng N hiện đang sinh sống ổn định cùng anh Tú A; do vậy để đảm bảo quyền lợi của các con chung không bị ảnh hưởng, cần giao con Nguyễn Tuấn K1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao 02 con Nguyễn Thuận K và Nguyễn Đăng N cho anh Tú A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; chị T, anh Tú A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

[5] Về chia tài sản: Chị T, anh Tú A không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tú A.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Tuấn K1, sinh ngày 29/02/2024 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao 02 con Nguyễn Thuận K, sinh ngày 11/01/2018; Nguyễn Đăng N, sinh ngày 13/10/2020 cho anh Nguyễn Tú A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tú A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000842 ngày 23-01-2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5-Hưng Yên (trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình), chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tú A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên
- VKSND Khu vực 5- Hưng Yên;
- Phòng THADS Khu vực 5-Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác